

Số: 135/BC-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

**tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô
và thực hiện quy định về quản lý dân cư tại Điều 19 Luật Thủ đô
(Từ 01/7/2013 đến 31/12/2017)**

Kính gửi: Đoàn giám sát, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội

Thực hiện Điều 22 Luật Thủ đô, Chính phủ báo cáo tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô và thực hiện quy định về quản lý dân cư tại Điều 19 Luật Thủ đô như sau¹:

**I. VỀ TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT
THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ**

**1. Kết quả ban hành những nội dung Luật Thủ đô giao các cơ quan
quy định chi tiết**

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, ban hành văn bản:

Ngay sau khi Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua, công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Luật đã được các cấp, các ngành khẩn trương thực hiện. Tại Kế hoạch số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 685/QĐ-BTP ngày 02/4/2013 của Bộ Tư pháp, Kế hoạch số 2338/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 của UBND thành phố Hà Nội và các Kế hoạch công tác hằng năm của các bộ, ngành liên quan đã xác định nhiệm vụ ưu tiên trọng tâm hàng đầu là soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật.

Theo quy định của Luật Thủ đô thì có 20 nội dung được giao các cấp có thẩm quyền quy định chi tiết, trong đó 01 nội dung do Chính phủ quy định; 04 nội dung do Thủ tướng Chính phủ quy định; 01 nội dung do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, các nội dung còn lại thuộc trách nhiệm của HĐND và UBND thành phố Hà Nội.

Để triển khai soạn thảo các văn bản quy định chi tiết của luật, Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là thành phố Hà Nội đã chủ động, chỉ đạo quyết liệt, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện các văn bản QPPL trình cấp có thẩm quyền ban hành bảo đảm kịp thời, có hiệu lực cùng với thời điểm hiệu lực của Luật (vào ngày 01/7/2013). Bộ Tư pháp đã thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai thi hành Luật Thủ đô

¹ Báo cáo của Chính phủ được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo của UBND thành phố Hà Nội và các Bộ, ngành có liên quan.

(Quyết định số 1154/QĐ-BTP ngày 17/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp) để cho ý kiến tư vấn thẩm định về 14 dự thảo văn bản của Thành phố, bảo đảm tiến độ, chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.

b) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô

- Về nội dung quy định chi tiết Luật Thủ đô đã được ban hành:

+ Đến nay, đã có 16/20 nội dung quy định chi tiết thi hành Luật được ban hành, còn lại 04/20 nội dung đang tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền ban hành trong thời gian tới, trong đó: 01 nội dung do Chính phủ quy định, 02 nội dung do Thủ tướng Chính phủ quy định và 01 nội dung do HĐND thành phố Hà Nội quy định, cụ thể như sau:

(i) Ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị tại các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng (Khoản 3 Điều 10);

(ii) Phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng nghề trên địa bàn Thủ đô (Khoản 2 Điều 12);

(iii) Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (Khoản 2 Điều 20);

(iv) Ban hành cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô (Khoản 1 Điều 23).

(chi tiết xem Biểu số 02 kèm theo).

+ Bên cạnh những nội dung được giao quy định chi tiết theo Luật Thủ đô thì một số văn bản liên quan khác cũng được ban hành để thực hiện áp dụng thống nhất *(chi tiết xem Biểu số 03 kèm theo).*

Như vậy, sau gần 05 năm thi hành, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô cơ bản đã đảm bảo kịp thời, đúng tiến độ theo kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ; tạo lập đồng bộ các công cụ pháp lý trong xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô; bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Thủ đô và pháp luật có liên quan; các văn bản thường xuyên được rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng thời kỳ².

² Ví dụ như: Ngày 06/12/2016, HĐND thành phố đã ban hành Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành và ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

- Ngày 06/12/2016, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về cơ chế tài chính đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

- Về tổ chức thực hiện văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô:

Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật của cơ quan nhà nước ở trung ương và Hà Nội đã được triển khai kịp thời, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, đa dạng về hình thức, thu hút sự tham gia của hàng ngàn lượt người, qua đó giúp định hướng dư luận, nâng cao sự hiểu biết, ý thức trách nhiệm chấp hành pháp luật về Thủ đô. Theo đó, Thành phố đã tổ chức 03 hội nghị tập huấn nội dung Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô cho báo cáo viên pháp luật và phóng viên, biên tập viên các Báo, Đài trên địa bàn Thành phố; tổ chức họp báo, giới thiệu, thi tuyên truyền viên giỏi về Luật và các văn bản quy định chi tiết. 100% các sở, ngành, đoàn thể Thành phố đã tổ chức hội nghị tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; 100% các quận, huyện, thị xã tổ chức hội nghị quán triệt dành cho lực lượng cán bộ chủ chốt và cán bộ, công chức; ở các cấp huyện, xã, cũng đã tổ chức 2.696 hội nghị, với khoảng 112.628 lượt người tham gia. Năm 2013, Thành phố đã in và phát hành 750.584 cuốn tài liệu Luật Thủ đô, tài liệu về các văn bản cụ thể hóa Luật Thủ đô và sách Hỏi - Đáp về Luật Thủ đô để cấp phát cho các cơ quan thuộc Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, các đoàn thể chính trị - xã hội, UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn; chỉ đạo các cơ quan truyền thông của Thành phố tổ chức tuyên truyền pháp luật về Thủ đô, trong đó chú trọng các phóng sự, tin bài phản ánh về công tác triển khai thi hành Luật trên địa bàn Thành phố, xây dựng chuyên mục tuyên truyền sâu về Luật Thủ đô.

Công tác sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết cũng đã được chú trọng, quan tâm. Hằng năm, thành phố Hà Nội đã chủ động tổ chức các cuộc làm việc của Thủ tướng Chính phủ với Thành phố, các địa phương trong Vùng Thủ đô và các Bộ, ngành liên quan để đánh giá về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô; đồng thời, có báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thi hành Luật Thủ đô³.

Năm 2016, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với UBND thành phố Hà Nội, các Bộ, ngành liên quan chuẩn bị báo cáo của Chính phủ sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô. Công tác sơ kết được thực hiện bài bản, nghiêm túc, có chất lượng, qua đó giúp các cấp, các ngành nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, trách nhiệm của mình; tích cực, chủ động chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật về Thủ đô; đồng thời thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định⁴.

³ Trong các năm 2014, 2015, 2015, 2016, 2017, thành phố Hà Nội đều có báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai thi hành Luật Thủ đô của thành phố.

⁴ Ngày 25/5/2016, Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội đã liên tịch ban hành Kế hoạch số 1681/KH-BTP-UBND. Kế hoạch đã phân công cụ thể trách nhiệm của các cơ quan chuẩn bị nội dung báo cáo về từng vấn đề được giao trong Luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội cũng đã thành lập Tổ công tác liên ngành ở Trung ương, Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc của thành phố Hà Nội để tổ chức việc báo cáo. Đồng thời tổ chức Đoàn công tác thực hiện khảo sát, trao đổi kinh

Thành phố đã và đang thiết lập đồng bộ các công cụ pháp lý cho việc xây dựng, quản lý quy hoạch nhằm thực hiện thống nhất theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; hệ thống giao thông vận tải, hạ tầng kỹ thuật của Thủ đô đã có những bước phát triển vượt bậc cả về quy mô, số lượng các dự án, công trình trọng điểm, được kết nối thông suốt, đồng bộ, thúc đẩy liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô; cảnh quan kiến trúc hai bên đường trên một số tuyến phố thực hiện thí điểm đã được chỉnh trang sạch đẹp; nhiều dự án khu đô thị mới mọc lên mang tầm vóc của một đô thị hiện đại đang dần hiện hữu; khoa học và công nghệ được đầu tư phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, hướng tới chất lượng, hiệu quả ứng dụng, thu hút được sự tham gia của đông đảo các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trên nhiều lĩnh vực; nguồn thu ngân sách được bổ sung nhờ cơ chế phát huy nội lực, chính sách huy động vốn, chính sách thương và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố; từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; ổn định chính trị, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước, bảo đảm được chi thường xuyên và chi trả nợ, có tích lũy cho đầu tư phát triển⁵. Thủ đô đang dần phát huy được vị thế, vai trò, tạo động lực phát triển, sức mạnh lan tỏa, mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác, hỗ trợ các địa phương trong Vùng Thủ đô và cả nước cùng phát triển; ngày càng khang trang, thân thiện hơn.

- Về nội dung quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô chưa ban hành văn bản:

Việc chậm ban hành 04/20 nội dung quy định chi tiết Luật Thủ đô trong thời gian qua có nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân chủ yếu là do sự cần thiết của việc ban hành văn bản, tính hợp lý, tính khả thi, tính phức tạp của nội dung được quy định chi tiết (*cụ thể xem tại mục III của Báo cáo này*). Và vấn đề này hiện đang được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể là:

Thứ nhất, việc áp dụng mức tiền phạt cao hơn đối với một số hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực *đất đai* ở nội thành, trong khi HĐND thành phố chưa ban hành Nghị quyết thì việc thực hiện đang được áp dụng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo đó, mức tiền phạt đối với một số hành vi liên quan đã được nâng lên đáng kể so với quy định trước đây, nên việc ban hành Nghị quyết của

nghiệm về quản lý đô thị tại thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức các hội nghị, hội thảo góp ý về những nội dung theo yêu cầu báo cáo.

⁵ Thu ngân sách nhà nước đến năm 2015 tăng bình quân khoảng 7,3%/năm; năm 2016 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,03% cao nhất so với các năm trước đây và thu ngân sách ước đạt 173.846 tỷ đồng bằng 102,6 % dự toán; năm 2017, kinh tế của Thành phố tiếp tục tăng trưởng. Tổng sản phẩm trên địa bàn ước tăng 8,5% (cách tính mới tăng 7,3%). Tổng thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 207,628 nghìn tỷ đồng vượt 1,4% dự toán, tăng 15,8% so thực hiện năm 2016.

HĐND thành phố quy định về vấn đề này cũng phải tính đến sự cần thiết và tính hợp lý trong từng thời kỳ.

Thứ hai, việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị tại các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng, trong khi Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành Quyết định, thì hiện Hà Nội đang áp dụng chung theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành năm 2008 (gọi tắt là QCVN 01:2008/BXD), trong đó cũng còn nhiều quy định liên quan đến mật độ xây dựng, khoảng lùi, số lượng tầng nhà, chiều cao tối đa tầng nhà...cũng chưa có điều kiện để thực hiện, bởi lẽ ở các khu vực này hiện đang tồn tại khá nhiều vấn đề do lịch sử để lại mà việc cải tạo, tái thiết cần phải đầu tư nguồn lực lớn về tài chính, đất đai để phục vụ cho công tác tái định cư, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, tạo không gian đáp ứng các yêu cầu của QCVN 01:2008/BXD.

Thứ ba, ngày 26/6/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020, theo đó đến năm 2020, cả nước có 460 trường đại học, cao đẳng (224 trường đại học và 236 trường cao đẳng); hệ thống mạng lưới trường đại học, cao đẳng được phân bố theo các vùng gồm: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc; Vùng đồng bằng sông Hồng; Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Vùng Tây Nguyên; Vùng Đông Nam Bộ; Vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hà Nội thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng với quy mô mạng lưới đến năm 2020 dự kiến có 157 trường (91 trường đại học và 66 trường cao đẳng). Bên cạnh đó, theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ, thì mạng lưới các trường đại học, cao đẳng được phân bố, sắp xếp theo các khu, cụm gồm: Gia Lâm, Sóc Sơn, Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Phú Xuyên, Chúc Sơn⁶, đồng thời thực hiện việc di dời hoặc xây dựng cơ sở 2 cho một số trường từ nội đô ra các đô thị vệ tinh hoặc các tỉnh trong Vùng Thủ đô.

Thứ tư, ngày 06/5/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2020, theo đó phạm vi Vùng Thủ đô Hà Nội gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang (trong đó Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang là 03 tỉnh được mở rộng so với Quyết định số 490/2008/QĐ-TTg ngày 05/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ). Quyết định này giao Ban Chỉ đạo Quy hoạch và Đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội (Ban Chỉ đạo): Chủ trì và chỉ đạo các cơ quan liên quan tiếp tục

⁶ Cụ thể: Gia Lâm khoảng 200 - 250 ha (5 - 6 vạn sinh viên); Sóc Sơn khoảng 600 - 650 ha (8 - 10 vạn sinh viên); Sơn Tây khoảng 300 - 350 ha (4 - 5 vạn sinh viên); Hòa Lạc khoảng 1.000 - 1.200 ha (12 - 15 vạn sinh viên); Xuân Mai khoảng 600 - 650 ha (8 - 10 vạn sinh viên); Phú Xuyên khoảng 100 - 120 ha (1,5 - 2 vạn sinh viên); Chúc Sơn khoảng 150 - 200 ha (2 - 3 vạn sinh viên).

nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý và các cơ chế, chính sách phát triển Vùng Thủ đô Hà Nội, trình Chính phủ xem xét, quyết định; chủ trì và đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương quản lý Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô. Ban Chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ thành lập vào năm 2003, đến nay đã hai lần được kiện toàn vào năm 2008 và năm 2016 cho phù hợp. Ban Chỉ đạo hoạt động theo Quy chế được ban hành năm 2005 (Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 10/10/2005), trong đó nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện việc điều phối liên quan đến: chỉ đạo công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng trong Vùng Thủ đô Hà Nội; chỉ đạo việc thẩm định và đề xuất các cơ chế, giải pháp đặc thù trong quá trình thực hiện quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng trong vùng Thủ đô Hà Nội; kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô thực hiện quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng; quyết định các biện pháp xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện; chỉ đạo việc hợp tác với các tổ chức, các chuyên gia trong nước và nước ngoài để nghiên cứu, thực hiện quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng trong Vùng Thủ đô Hà Nội.

2. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô

Từ ngày 01/7/2013 đến ngày 31/12/2017, Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành kiểm tra **20/20** văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô (quy định 16/20 nội dung giao quy định chi tiết) do cơ quan cấp Bộ và HĐND, UBND thành phố Hà Nội ban hành. Kết quả kiểm tra cho thấy: không phát hiện văn bản nào có dấu hiệu trái pháp luật (*chi tiết xem Biểu số 04 kèm theo*).

II. VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ DÂN CƯ TẠI ĐIỀU 19 CỦA LUẬT THỦ ĐÔ

1. Kết quả thực hiện quy định về quản lý dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Về quy mô, mật độ và cơ cấu dân cư trên địa bàn Thành phố.

Trước thời điểm Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành (tính đến tháng 05/2013) toàn Thành phố có 1.885.124 hộ với 6.813.998 nhân khẩu. Tính đến cuối năm 2017, Hà Nội có khoảng 9.623.644 nhân khẩu, trong đó gần 1,8 triệu người tạm trú. Mỗi năm, dân số Hà Nội tăng trung bình khoảng 702.412 người/năm, với tốc độ tăng trưởng dân số 3%/năm, trong đó dân số cơ học đã là 1,8%/năm. Mật độ dân số trung bình của toàn Thành phố là 7.572,9 người/km², phân bố không đều, tập trung nhiều ở các quận nội thành. Đơn vị có mật độ dân số cao nhất là quận Đống Đa với 42.278 người/km² gấp 63 lần so với đơn vị có mật độ dân số thấp nhất là huyện Ba Vì (663 người/km²) (*chi tiết xem Biểu số 05 kèm theo*).

b) Các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn Thành phố.

- Thành phố đã ban hành và thực hiện quy định về diện tích bình quân tối thiểu là 15m² sàn/đầu người đối với nhà cho thuê ở nội thành theo Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND; chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để

đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành để thu hút sự giãn dân ở nội thành theo Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố. Theo đó, đã thực hiện phương thức kêu gọi thu hút đầu tư, ưu tiên đầu tư theo các hình thức BT, BOT, BTO, PPP. Đối với cơ chế hỗ trợ đầu tư và tạo nguồn vốn đầu tư thì chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở thương mại ở ngoại thành được ưu tiên giao làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội trên phần diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư. Ngoài diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định, chủ đầu tư dự án được ưu tiên đề xuất tăng diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội hoặc chuyển đổi diện tích đất xây dựng nhà ở thương mại sang diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư nhưng phải đảm bảo nhu cầu sử dụng của người dân về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Chủ đầu tư dự án khu đô thị, nhà ở được giao ứng vốn đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ Dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của Thành phố; chi phí đầu tư các công trình này được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của Dự án. HĐND Thành phố thông qua cụ thể các Dự án do nhà đầu tư ứng vốn thực hiện hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư được áp dụng các biện pháp đảm bảo việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng như đối với các công trình quan trọng trên địa bàn theo quy định của Thành phố.

- Hệ thống các quy hoạch, các đồ án quy hoạch đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng bộ nhằm thực hiện thống nhất theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011. Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố đã xem xét, giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng các cơ sở để phục vụ công tác di dời các bệnh viện tuyến Trung ương; bố trí, giới thiệu quỹ đất cho các trường đại học và phục vụ di dời cho 09 Bộ, ngành của Trung ương; rà soát và xác định lộ trình đến năm 2020 sẽ di dời tổng số 117 cơ sở trên địa bàn theo từng nhóm, tiêu chí, thứ tự và lộ trình cụ thể.

- Trong thời gian qua, Thành phố đã không xem xét giải quyết các trường hợp mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp ở nội thành.

2. Việc quản lý nhà nước về cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) *Công tác ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo điều hành triển khai quy định về quản lý dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội.* Thực hiện Điều 19 Luật Thủ đô, HĐND Thành phố đã thông qua Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành; Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về quy định diện tích bình quân đối với nhà cho thuê ở nội thành; và Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016, về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND đến năm 2020 và ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến trước khi UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị liên quan của Thành phố đã kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để thực hiện đồng bộ⁷.

b) Công tác tổ chức thi hành quy định về quản lý dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 19 Luật Thủ đô.

Công tác này bước đầu hạn chế việc di dân tự phát vào nội thành; góp phần ổn định cư trú trên địa bàn Thành phố, phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, trật tự; cung cấp chính xác, kịp thời số liệu về hộ khẩu, nhân khẩu giúp cho Thành phố xây dựng các kế hoạch, chỉ tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác tuyển sinh, tuyển dụng và đề bạt cán bộ lãnh đạo; xây dựng kế hoạch, phương án xây dựng hạ tầng cơ sở, hạ tầng giao thông, công trình nhà ở, cân đối mức đền bù, hỗ trợ việc giải phóng đền bù, thực hiện phương án di dân, giãn dân để hài hòa mật độ dân cư trên địa bàn Thành phố; góp phần phục vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự, phát hiện và cung cấp tin, tài liệu phục vụ điều tra, quản lý đối tượng, công tác sưu tra, tiếp nhận đặc xá, lập hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính; đặc biệt là thông tin, tài liệu phục vụ các lực lượng nghiệp vụ bắt đối tượng truy nã, trốn thi hành án, đối tượng phạm tội về hình sự, kinh tế, ma

⁷ UBND Thành phố ban hành Công văn số 6590/UBND-XDGT ngày 09/4/2014 chỉ đạo các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã rà soát, công khai danh mục các dự án kêu gọi, thu hút, ưu tiên đầu tư theo nội dung của Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND; Công văn số 9874/UBND-XDGT ngày 17/12/2014 yêu cầu các Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã căn cứ quy định hiện hành tiến hành rà soát, đề xuất danh mục dự án đầu tư theo nội dung Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND; Thông báo số 42/TB-VP về kết luận cuộc họp rà soát và công khai danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư theo nội dung Nghị quyết 07/2013/NQ-HĐND,...

- Trong công tác quản lý dân cư, Công an Thành phố Hà Nội đã ban hành 07 Kế hoạch tổ chức triển khai như: Kế hoạch số 297-KH/CAHN-PC64 ngày 26/10/2015 về việc kiểm tra công tác đăng ký và quản lý cư trú tại 30 đơn vị công an quận, huyện, thị xã; Kế hoạch số 147-KH/CAHN-PC64 ngày 07/6/2016 về kiểm tra công tác quản lý cư trú của Cảnh sát khu vực, CAXDPT và PTX về ANTT; Kế hoạch số 219-KH/CAHN-PV11-PC64 ngày 10/8/2016 của Giám đốc Công an Thành phố thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 liên thông thủ tục hành chính trên địa bàn 12 quận; Kế hoạch số 32-KH/CAHN-PV11-PC64 ngày 21/2/2017 của Giám đốc Công an Thành phố về việc kiểm tra, phúc tra thông tin nhân khẩu trong Hệ cơ sở dữ liệu dùng chung của Công an Thành phố; Kế hoạch số 148-KH/CAHN-PV11-PC64 ngày 28/4/2017 của Giám đốc Công an Thành phố về việc Tổng kết công tác thu thập, nhập liệu, chỉnh sửa, cập nhật thông tin dân cư của Công an Thành phố; Kế hoạch số 301-KH/CAHN-PV11-PC64 ngày 13/9/2017 của Giám đốc Công an Thành phố về việc Tổng kiểm tra hộ khẩu năm 2017; Kế hoạch số 316-KH/CAHN-PV11-PC64 ngày 25/9/2017 của Giám đốc Công an Thành phố về việc Tổ chức tập huấn chuyên sâu công tác đăng ký, quản lý cư trú cho lực lượng Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH - Công an Thành phố năm 2017.

tuý, đối tượng người nước ngoài vi phạm và cung cấp tin về tình hình khiếu kiện đông người, phức tạp...Kết quả cụ thể như sau:

- *Việc đăng ký thường trú, tạm trú, khai báo tạm vắng, đăng ký lưu trú trên địa bàn.* Từ ngày 01/7/2013 đến hết ngày 31/7/2017, toàn Thành phố đã giải quyết tổng số 3.978 trường hợp hồ sơ đăng ký thường trú vào nhà ở hợp pháp và đã tạm trú liên tục trên địa bàn Thành phố đủ 03 năm theo quy định tại Khoản 4(b) Điều 19 Luật Thủ đô. Với những người tạm trú liên tục sau 01 tháng phải tiến hành các biện pháp điều tra cơ bản, xác minh, nắm tình hình lập hồ sơ quản lý. Đồng thời, tổ chức duy trì hoạt động của trên 3.200 điểm khai báo tạm trú, tạm vắng ở các cụm dân cư. Tổ chức hướng dẫn người nhập cư mới kê khai nhân khẩu; tiến hành cấp sổ tạm trú có thời hạn cho những trường hợp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, các trường hợp khác cảnh sát khu vực, Công an phụ trách xã đều phải có hồ sơ đơn giản, hiện tại đã lập được 90% theo yêu cầu. Với các trường hợp người nhập cư có đủ điều kiện đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định thì được giải quyết đăng ký hộ khẩu.

Tổ chức quản lý dân nhập cư thông qua người tổ chức sử dụng lao động, các cơ sở tuyển dụng lao động như: Các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, chủ sử dụng, các hộ thuê người giúp việc... phải có trách nhiệm thông báo với công an phường, xã danh sách những người làm trong cơ sở của mình. Đồng thời phải lập sổ theo dõi tạm trú và điều chỉnh biến động thường xuyên, đến nay trên toàn Thành phố 80% số lao động trên đã có hồ sơ quản lý.

Đối với việc quản lý người lao động ngoại tỉnh thông qua các cơ sở kinh doanh lưu trú thì chủ các hộ này phải có trách nhiệm thông báo danh sách những người thuê nhà, tạm trú, có sổ theo dõi tạm trú và ký cam kết giữ gìn ANTT. Thành phố đã chủ động phối hợp với các tỉnh giáp ranh để quản lý nhân khẩu, quản lý đối tượng ngoại tỉnh và trao đổi cung cấp thông tin giải quyết vụ việc.

- *Thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về cư trú và việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cư trú.* Thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về cư trú được thông báo và niêm yết công khai, hướng dẫn kê khai biểu mẫu tạo điều kiện thuận lợi cho công dân. Thực hiện tốt mục tiêu 03 giảm trong cải cách hành chính (giảm thủ tục, giảm số lần đi lại và giảm thời gian trả kết quả). Công an Thành phố thường xuyên chỉ đạo lực lượng công an cơ sở tăng cường các biện pháp công tác, rút ngắn thời gian giải quyết, trả kết quả cho công dân, nhất là đối với các trường hợp đăng ký đơn giản, không cần xác minh như: vợ về với chồng, con mới sinh, cấp giấy chuyển hộ khẩu, điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu...

Thực hiện Kế hoạch số 140/KH-BCA-C61 ngày 24/5/2016 của Bộ Công an về việc triển khai, thực hiện Dự án “Xây dựng hệ thống quản lý dân cư”, Thành phố Hà Nội đã triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án xây dựng hệ thống quản lý dân cư; phối hợp tổ chức tập huấn, thu thập Phiếu thông

tin dân cư; khảo sát xây dựng hệ thống phần mềm quản lý dân cư, trang bị phương tiện, tập huấn phần mềm ứng dụng trong công tác đăng ký, quản lý dân cư; tăng cường điểm tiếp nhận thông báo lưu trú. Đến nay, Công an các quận, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội đã ứng dụng phần mềm trong công tác đăng ký, quản lý dân cư, khai thác các tính năng, tác dụng của hệ thống, phục vụ cho việc giải quyết đăng ký cư trú. Thành phố đã tổ chức triển khai áp dụng một cách quyết liệt đưa công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhân khẩu, công tác thông báo lưu trú, khai báo tạm trú. Phiếu thông tin dân cư DC01 thường xuyên được Thành phố thu thập, cập nhập vào hệ cơ sở dữ liệu dùng chung.

- *Việc thu phí, lệ phí trong giải quyết các công việc liên quan đến quản lý nhà nước về cư trú.* Từ năm 2013 đến hết năm 2017, toàn Thành phố đã thu lệ phí trong công tác đăng ký cư trú tổng số 466.049 trường hợp, tương đương với số tiền là: 3.964.872.000 đồng. Cụ thể theo từng năm là:

- + Năm 2013: 53.140 trường hợp = 413.890.000 đồng.
- + Năm 2014: 85.027 trường hợp = 548.136.000 đồng.
- + Năm 2015: 104.626 trường hợp = 788.404.000 đồng.
- + Năm 2016: 87.935 trường hợp = 592.836.000 đồng.
- + Năm 2017: 135.321 trường hợp = 1.621.606.000 đồng.

- *Đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác quản lý cư trú ở cấp huyện, cấp xã và thái độ, trách nhiệm phục vụ Nhân dân.* Hiện nay, toàn thành phố có 2.790 cán bộ, chiến sỹ làm công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký, quản lý cư trú tại Công an cấp huyện, cấp xã (đa phần là công tác kiêm nhiệm). Đội ngũ cán bộ làm công tác này đều có trình độ về pháp luật, cũng như trình độ thông tin, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực làm việc, khả năng giao tiếp, có tác phong, thái độ đúng mực, phẩm chất đạo đức tốt, không gây phiền hà sách nhiễu cho công dân... Xây dựng hình ảnh cán bộ chiến sỹ Công an Thủ đô chính quy, tinh nhuệ, thân thiện, gần gũi với Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ.

- *Phản hồi của người dân về công tác quản lý cư trú trên địa bàn thành phố Hà Nội, về thái độ, trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác quản lý cư trú.* Trong thời gian qua, Thành phố đã tiến hành triển khai đồng bộ nhiều biện pháp trong công tác đăng ký quản lý cư trú vừa đảm bảo đúng quy định của pháp luật cũng như đảm bảo quyền tự do cư trú của công dân. Đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách hành chính, giảm thời gian và số lần đi lại cho Nhân dân, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý về cư trú. Đội ngũ cán bộ, chiến sỹ làm công tác này có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn và thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ,... do vậy, đã tạo bước đột phá trong công tác phục vụ nhu cầu chính đáng của Nhân dân, được Nhân dân ghi nhận và đánh giá cao.

- *Việc thanh tra, kiểm tra. Định kỳ hàng năm, theo thẩm quyền, Công an Thành phố đều ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú, thu thập thông tin dân cư.* Thông

qua công tác thanh tra, kiểm tra đã kịp thời biểu dương ghi nhận những đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác đăng ký, quản lý cư trú, thu thập thông tin dân cư. Đồng thời, kiểm điểm xem xét trách nhiệm, rút kinh nghiệm đối với đơn vị, cá nhân còn để thiếu sót, tồn tại, yêu cầu khắc phục, sửa chữa. Việc triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên; định kỳ được đánh giá qua các cuộc giao ban các đơn vị hàng tháng. Các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình kiểm tra đều được Công an Thành phố kịp thời phát hiện và có hướng dẫn Công an các quận, huyện, thị xã tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đối với những nội dung còn vướng mắc hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết, Công an Thành phố đã tập hợp, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Công an và Ủy ban nhân dân Thành phố.

- *Việc xử lý vi phạm hành chính trong quản lý cư trú.* Từ năm 2013 đến năm 2017, toàn Thành phố đã xử lý vi phạm hành chính trong công tác quản lý cư trú tổng số 63.785 trường hợp. Trong đó, phạt cảnh cáo 0 trường hợp, phạt tiền 63.785 trường hợp, tương đương với số tiền là: 11.629.559.000 đồng. Cụ thể theo các năm là:

- Năm 2013: Phạt tiền 14.404 trường hợp = 2.457.530.000 đồng.
- Năm 2014: Phạt tiền 14.665 trường hợp = 2.541.927.000 đồng.
- Năm 2015: Phạt tiền 13.288 trường hợp = 2.450.022.000 đồng.
- Năm 2016: Phạt tiền 12.461 trường hợp = 2.281.257.000 đồng.
- Năm 2017: Phạt tiền 8.967 trường hợp = 1.898.823.000 đồng.

Với các lỗi vi phạm phổ biến như: Tẩy, xóa, sửa chữa hoặc có hành vi khác làm sai lệch nội dung hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy tờ khác liên quan đến cư trú (quy định tại khoản 2 (a) Điều 8 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP); cá nhân, chủ hộ gia đình không thực hiện đúng quy định về thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng (quy định tại khoản 1(b) Điều 8 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP).

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Việc ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô

a) Ban hành văn bản quy định chi tiết.

Cho đến nay vẫn còn 04/20 nội dung của Luật Thủ đô chưa được ban hành văn bản quy định chi tiết để thực hiện, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do:

- Về mặt nguyên tắc thì các văn bản quy định chi tiết phải phù hợp với nội dung Luật Thủ đô ủy quyền quy định chi tiết và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, Luật Thủ đô là Luật quy định một số cơ chế chính sách đặc thù khác với các luật chuyên ngành liên quan, do vậy nếu văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô cùng một lúc phải đáp ứng cả hai yêu cầu là phù hợp với Luật Thủ đô và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành thì rất khó

khả thi, hoặc ngược lại trong quá trình thực hiện Luật Thủ đô, một số luật chuyên ngành có hiệu lực cùng thời điểm hoặc ban hành sau đã có quy định khác phù hợp hơn, thì yêu cầu đặt ra về tính hợp lý trong việc lựa chọn luật nào để ban hành văn bản quy định chi tiết cho phù hợp cũng cần phải được cân nhắc.

Ví dụ, chỉ tính riêng việc ban hành Nghị quyết của HĐND thành phố quy định chi tiết khoản 2(a) Điều 20 Luật Thủ đô về *“quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, đất đai và xây dựng”* thì tại thời này, Luật xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết có hiệu lực vào ngày 01/7/2013 (cùng với thời điểm Luật Thủ đô có hiệu lực), theo đó đã quy định nâng mức xử phạt vi phạm hành chính lên cao hơn so với mức quy định trước đây rất nhiều lần, trong đó có một số hành vi thuộc nhóm 03 lĩnh vực nêu trên, đồng thời cũng quy định bổ sung áp dụng cơ chế đặc thù đối với khu vực nội thành các thành phố trực thuộc Trung ương (khoản 1 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính)⁸.

Như vậy, vấn đề đặt ra là tính hợp lý trong việc lựa chọn quy định về mức tiền phạt vi phạm hành chính như thế nào cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Hà Nội và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Hay theo quy định tại Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ thì lĩnh vực *văn hóa* bao gồm cả hoạt động quảng cáo, tuy nhiên, từ khi ban hành Luật quảng cáo và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 75/2010/NĐ-CP) thì hoạt động *quảng cáo* không còn thuộc lĩnh vực *văn hóa*. Do vậy, một số hành vi gây bức xúc dư luận như vẽ bần trên tường, quảng cáo không đúng nơi quy định..., gây mất mỹ quan đô thị lại không còn thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Thủ đô.

- Nội dung của một số văn bản có tính chất rất phức tạp, liên quan đến tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tính khả thi trên thực tiễn, do vậy quá trình soạn thảo đã bị kéo dài, phải gửi xin ý kiến nhiều lần, thống nhất qua nhiều cơ quan có liên quan. Ví dụ, từ năm 2013 đến nay, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị tại các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng (khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô), đã được Bộ Xây dựng 04 lần cho ý kiến, tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Hoặc trong quá trình soạn thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành “một số quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên

⁸ Như quy định: Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này.

Đối với khu vực nội thành của thành phố trực thuộc trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội.

địa bàn Thủ đô nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (khoản 3 Điều 14 Luật Thủ đô)”, hay quy định của thành phố Hà Nội về cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao (Điều 12 Luật Thủ đô)..., cũng đã có không ít ý kiến khác nhau, băn khoăn về tính khả thi của văn bản.

b) Tổ chức thi hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô.

Hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Thủ đô còn hạn chế, đặc biệt là nhận thức của các cấp, các ngành ở cơ sở và địa bàn khu vực nông thôn; việc chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật về Thủ đô nói riêng chưa nghiêm, còn nhiều vi phạm xảy ra trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, giao thông vận tải, đất đai, môi trường... Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có nơi, có lúc còn thiếu quyết liệt, còn có biểu hiện buông lỏng trong quản lý nhà nước ở một số khâu như cấp phép, theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra; chưa chủ động, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm; công tác xử lý vi phạm một số vụ việc còn kéo dài. Ví dụ về một số vụ việc điển hình như: liên quan đến xây dựng Tòa nhà số 8B Lê Trực, Đề án chặt hạ cây xanh năm 2015, Vụ 200 tấn cá chết ở Hồ Tây năm 2016.

- Bên cạnh việc quy định một số mục tiêu, định hướng lớn ở tầm chiến lược, lâu dài, Luật và các văn bản quy định chi tiết cũng đồng thời đang đặt ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung nguồn lực để thực hiện ở cùng một thời điểm, nhất là nguồn lực về tài chính, đất đai cho các công trình, dự án quy mô lớn và xử lý những vấn đề tồn tại do lịch sử để lại từ trước khi có Luật Thủ đô (như trường học, bệnh viện, trục đường giao thông, nhà chung cư, biệt thự cũ, nhà siêu mỏng, siêu méo).

Một số ví dụ sau đây cho thấy: *Trong công tác quy hoạch*: việc di dời và quản lý quỹ đất sau khi di dời đối với một số cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được thực hiện nghiêm theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay mới có 19 cơ sở bệnh viện, giáo dục đại học, trụ sở cơ quan bộ, ngành đã và đang thực hiện di dời ra khu vực đã được quy hoạch, tuy nhiên tiến độ thực hiện rất chậm; quỹ đất sau khi di dời lại chưa được bàn giao lại cho Thành phố để quản lý theo quy hoạch. Do vậy, rất khó thực hiện mục tiêu giảm mật độ dân số tại các khu vực nội thành theo Quy hoạch chung. *Trong lĩnh vực phát triển giáo dục*: mặc dù đã có một số chuyển biến tích cực, song còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các huyện, thị xã về tiến độ công nhận trường chất lượng cao, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn thiếu kinh nghiệm, việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất đòi hỏi cần có thời gian. Trong quá trình thực hiện, việc xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô, vẫn còn những ý kiến về tính hợp lý trong việc phân biệt chất lượng dịch vụ công của quy định này. Trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo,

nhà trẻ vẫn còn gặp khó khăn do thiếu trường, thiếu nhóm lớp, chưa đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ theo quy định (Ví dụ như ở Quận Nam Từ Liêm và Quận Bắc Từ Liêm)⁹. *Trong quản lý và bảo vệ môi trường*: quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô đã được ban hành, tuy nhiên, việc đòi hỏi các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các làng nghề... phải đầu tư hệ thống xử lý chất thải với công nghệ hiện đại để đáp ứng dẫn đến chi phí đầu tư cao. Ô nhiễm nguồn nước và không khí trên địa bàn Thành phố hiện đang xảy ra khá phổ biến: Hàng nghìn doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất xả chất thải công nghiệp, nhưng chỉ có khoảng 200 đơn vị xử lý đúng quy trình xử lý chất thải, đã khiến hệ thống nước ở Hà Nội bị ô nhiễm. Qua công tác kiểm tra, giám sát cho thấy “tình trạng ô nhiễm xảy ra nhiều nơi. Ô nhiễm không khí cũng đang ở mức cao¹⁰. *Trong lĩnh vực phát triển, quản lý nhà ở*: việc quy định tỷ lệ 25% diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại trên 10 ha tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố, trên thực tế việc bố trí 25% diện tích đất ở hoặc 25% quỹ sàn nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong cùng dự án rất khó thực thi, bởi quy hoạch dự án nhà ở, khu đô thị cao cấp và nhà ở xã hội trong cùng dự án là không tương thích với nhau về hạ tầng kỹ thuật, hơn nữa do chung hạ tầng kỹ thuật cho nên giá căn hộ, giá dịch vụ trong khu đô thị, dự án nhà ở cao cấp là rất cao so với mặt bằng chung thu nhập của người dân là đối tượng được mua nhà ở xã hội. *Trong lĩnh vực phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải*: việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước; cấp điện, chiếu sáng thông tin liên lạc...) của Thành phố chưa được thực hiện đồng bộ trên các tuyến phố chính, đặc biệt trong khu vực nội đô lịch sử, đến nay cũng vẫn chưa được hoàn thiện. Công tác quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Thành phố thiếu tính đồng bộ, chưa được đầu tư đúng mức¹¹. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng như thu gom, xử lý, phân loại CTR; thu gom, xử lý nước thải có công nghệ hiện đại đòi hỏi có nhu cầu vốn đầu tư rất cao, trong khi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng chưa đáp ứng đầy đủ, do vậy nguồn vốn đầu tư xây dựng chủ yếu từ nguồn vốn ODA, vốn kêu gọi từ hợp tác công tư (PPP), nhưng cơ chế, chính sách để kêu

⁹ So với tiêu chuẩn QCVN-2008 thì diện tích để xây dựng trường mầm non trong nội thành còn thiếu khoảng 1.109.627m². Theo dự báo (quy hoạch mạng lưới trường mầm non) thì đến năm 2020 Thành phố còn thiếu 166 trường mầm non công lập, trong đó giai đoạn 2016-2017 còn thiếu 52 trường, giai đoạn 2018-2020 còn thiếu 114 trường.

¹⁰ Số liệu theo báo cáo tại <http://www.daikynguyenvn.com/trong-nuoc/o-nhiem-moi-truong-o-ha-noi-da-den-muc-bao-dong.html> thì: nồng độ bụi lơ lửng ở các quận nội thành đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép 5-6 lần, thậm chí có nơi trên 10 lần. Vào giờ cao điểm, nồng độ bụi tính trung bình của Thành phố gấp 4 lần tiêu chuẩn cho phép, nồng độ khí CO cao hơn 2,5 lần, hơi xăng cao hơn 12,1 lần tiêu chuẩn cho phép. Lượng khí thải độc hại như CO₂, SO₂, CO₃, NO, CO... ngày càng gia tăng và tác động tiêu cực tới con người (nhất là những người dân sống quanh các điểm nóng về giao thông) và môi trường.

¹¹ Theo đánh giá của các công ty thoát nước, công ty môi trường đô thị tại địa phương có nhiều tuyến cống thu gom đã bị hư hỏng nghiêm trọng cần phải sửa chữa, 30% các tuyến cống xuống cấp, chỉ khoảng 20% vừa được xây dựng là còn tốt. Mô hình quản lý trong quản lý nghĩa trang còn chưa rõ ràng, chưa theo quy định thống nhất, chủ yếu theo phong tục tập quán của mỗi địa phương.

gọi nhà đầu tư lại chưa hoàn thiện. Hiện nay, tỉ lệ đất dành cho giao thông của thành phố Hà Nội nói chung còn quá thấp, mới chỉ đạt dưới 10% đất xây dựng đô thị, trong khi đó tỷ lệ này phải đạt 20-26%. Mật độ đường thấp và phân bố không đều. Diện tích dành cho giao thông tĩnh thấp, chưa đến 1% đất xây dựng đô thị, nhưng theo quy định là phải đạt từ 3-5% đất xây dựng đô thị. Trong khi đó, việc mở rộng các tuyến giao thông trong khu vực nội đô là rất khó khăn, cộng thêm chi phí cho công tác đền bù giải tỏa để mở rộng các tuyến đường là rất cao, gây sức ép rất lớn cho ngân sách của Thành phố...

2. Việc thực hiện quy định về quản lý dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 19 của Luật Thủ đô

Mặc dù Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đã quy định nhiều giải pháp đồng bộ (giải pháp kinh tế - kỹ thuật và giải pháp quản lý hành chính) nhằm hạn chế tình trạng tập trung quá đông dân cư, quá tải về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... trong nội thành Hà Nội. Quy định của Luật Thủ đô thực tế cũng đã hạn chế được phần nào số lượng người nhập khẩu, đăng ký thường trú vào nội thành. Tuy nhiên, trong thời gian qua tình trạng dân số cơ học vào nội thành vẫn tiếp tục tăng. Thực tiễn quản lý cư trú đã ghi nhận có những trường hợp sau khi đăng ký chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ thì được tách và lập hộ riêng và tiếp tục đăng ký cho những nhân khẩu khác vào cùng chỗ thuê, mượn, ở nhờ không bảo đảm diện tích bình quân trên đầu người theo quy định. Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý cư trú cũng còn nhiều lúng túng; phương án xử lý các tình huống thiếu thống nhất; vi phạm hành chính về đăng ký, quản lý cư trú đôi khi chưa được xử lý kịp thời, chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực cư trú còn nhẹ, thiếu tính răn đe. Sự biến động cơ học của các nhân hộ khẩu: KT3, KT4 ngày càng gia tăng và phức tạp. Một số loại hộ, nhân khẩu tạm trú thường xuyên thay đổi chỗ ở, nơi làm việc nhất là số nhân khẩu lao động tự do, thời vụ (KT4): (203.694 nhân khẩu = 2,7% dân số); học sinh, sinh viên các tỉnh về Hà Nội học tập: (161.589 nhân khẩu = 2,2% dân số), nhiều trường hợp chưa hoàn chỉnh thủ tục quản lý thì số nhân khẩu này đã di chuyển đi nơi khác. Do vậy việc nắm, quản lý số nhân khẩu trên gặp nhiều khó khăn. Phương thức thủ đoạn hoạt động của các loại đối tượng, tệ nạn xã hội ngày càng diễn biến phức tạp, xu hướng hoạt động lưu động, liên kết, móc nối với các đối tượng các tỉnh, thuê nhà tạm trú trong các nhà nghỉ, nhà trọ, khu vực giáp ranh phức tạp, thường xuyên thay đổi chỗ ở... để tụ tập, hoạt động phạm pháp đang là thách thức lớn đối với lực lượng Công an trong công tác quản lý dân cư nói riêng cũng như công tác giữ gìn ANTT trên địa bàn Thủ đô nói chung.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Công tác phối hợp, trao đổi thông tin về nhân khẩu, hộ khẩu giữa các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ, đồng bộ. Công tác nắm tình hình biến động nhân khẩu, hộ khẩu và việc bổ sung, củng cố, bảo quản, khai thác, sử dụng hồ sơ, dữ

liệu dân cư một số quận chưa được thường xuyên, kịp thời đã ảnh hưởng đến công tác thu nhận dân cư. Việc ứng dụng phần mềm quản lý dân cư đạt kết quả chưa cao do trình độ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Quy định của Luật Thủ đô và các văn bản pháp luật có liên quan về vấn đề này còn thiếu cụ thể, do vậy công tác quản lý dân cư hiện cũng đang gặp một số khó khăn, vướng mắc trong việc xác định tính hợp pháp và sự cần thiết của một số loại giấy tờ công dân như: giấy tờ chứng minh tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh nhà ở theo quy định của Luật Thủ đô; giấy tờ chứng minh thời gian liên tục tạm trú 03 năm tại nội thành phải (là sổ tạm trú hay xác nhận tạm trú). Việc xác định nơi tạm trú có nhất thiết phải liên tục tại 1 địa chỉ không hay có thể tính bằng tổng thời gian tạm trú tại các chỗ ở tại nội thành Hà Nội như quy định tại Luật cư trú. Các quy định về đăng ký thường trú theo Khoản 4(b) Điều 19 Luật Thủ đô chỉ áp dụng với công dân từ các tỉnh thành phố khác chuyển vào nội thành Hà Nội hay áp dụng cả với những người đã có hộ khẩu tại ngoại thành Hà Nội đăng ký vào nội thành, bởi lẽ trên thực tế đã xuất hiện những trường hợp đăng ký thường trú ở ngoại thành sau đó chuyển hộ khẩu vào nội thành, trong khi thực tế chưa tạm trú đủ 3 năm theo quy định của Luật.

- Điều 19 của Luật Thủ đô mới đặt ra điều kiện được đăng ký hộ khẩu ở khu vực nội thành, còn việc đăng ký tạm trú vẫn được thực hiện theo quy định của Luật cư trú mà không có thêm bất cứ điều kiện ràng buộc nào.

- Pháp luật mới chỉ có quy định về diện tích bình quân đối với nhà ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở trong nội thành đối với nhà cho thuê, nhưng chưa có quy định đối với nhà ở nhờ, nhà được mượn và nhà được ủy quyền của cá nhân, tập thể, cơ quan, tổ chức. Việc hướng dẫn phải có ý kiến của chủ nhà hay thẩm quyền xác nhận của các cấp chính quyền địa phương như thế nào về diện tích bình quân cho những nhân khẩu nhận tiếp theo, dẫn đến việc thực hiện còn lúng túng, thiếu thống nhất trong xử lý tình huống.

- Việc di dời và quản lý quỹ đất sau khi di dời đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được thực hiện nghiêm theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; quỹ đất sau khi di dời lại chưa kịp thời bàn giao lại cho Thành phố để quản lý theo quy hoạch; việc xây dựng và phát triển nhà ở thương mại cao tầng trong khu vực nội thành vẫn còn tiếp diễn.... Chính sách tái định cư, dẫn dân ra ngoài thành và các tỉnh, thành phố khác, đòi hỏi cần phải tập trung nguồn lực lớn (nhất là nguồn lực về tài chính, đất đai), do vậy khó có thể bảo đảm tính khả thi trong một thời gian ngắn.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Một số giải pháp

a) Về phía Chính phủ: Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương có liên quan phối hợp chặt chẽ với thành phố Hà Nội thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình soạn thảo các dự thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó rà soát kỹ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan; làm rõ sự cần thiết ban hành văn bản; tính khả thi của văn bản; tính thống nhất, đồng bộ của văn bản với hệ thống pháp luật.

- Thực hiện nghiêm Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội.

- Trên cơ sở kết quả tổng kết 05 năm thi hành Luật (vào tháng 10/2018), Chính phủ sẽ nghiên cứu, đề xuất giải pháp tổng thể về những vấn đề liên quan đến thực hiện Luật Thủ đô cho phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn.

b) Về phía thành phố Hà Nội:

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng hơn nữa Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật bằng nhiều hình thức nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, ý thức của mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thi hành pháp nói chung và pháp luật về Thủ đô nói riêng, qua đó sớm phát hiện, xử lý nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn; kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về Thủ đô; nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương.

- Chủ động hơn nữa trong việc phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô nhằm phát hiện mâu thuẫn, chồng chéo, không hợp lý, thiếu tính khả thi, qua đó ban hành văn bản, quy định mới thay thế, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Xem xét kỹ về sự cần thiết ban hành Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội về việc nâng mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Thủ đô).

- Trong thời gian tới, chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tổng kết 05 thi hành Luật Thủ đô trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

a) Tiếp tục thực hiện giám sát theo chuyên đề việc thi hành Luật Thủ đô, trong đó tập trung vào một số vấn đề lớn được dư luận quan tâm nhiều trong thời gian qua như: quy hoạch, kiến trúc, đất đai, xây dựng, môi trường...

b) Hướng dẫn Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tăng cường giám sát việc thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật trên địa bàn Thủ đô.

c) Xem xét, cho chủ trương về định hướng, giải pháp đối với những vấn đề liên quan đến Luật Thủ đô sau khi Chính phủ tổng kết 05 thi hành Luật này vào tháng 10/2018.

Trên đây là Báo cáo tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô và thực hiện quy định về quản lý dân cư tại Điều 19 Luật Thủ đô, Chính phủ xin gửi Đoàn giám sát, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (60);
- TANDTC, VKSNDTC;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô;
- Thành ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội;
- BTP: các Thứ trưởng; các đơn vị XDPL;
- Lưu: VT, PL(3).

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

(đã ký)

Lê Thành Long